

Số: 434/KH-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 8 năm 2020

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về truy xuất nguồn gốc thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Bảo đảm minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu về truy xuất nguồn gốc.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa.

- Xây dựng được Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Đắk Nông, từng bước kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, quốc tế.

- Nâng cao uy tín của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Đắk Nông.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm của Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án) ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Xác định lộ trình, chỉ tiêu, nội dung, bố trí nguồn lực triển khai cụ thể trong từng giai đoạn để hoàn thành một số mục tiêu của Đề án.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thực hiện bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Chỉ tiêu cụ thể

3.1. Giai đoạn từ năm 2020-2025

- Truy xuất nguồn gốc ít nhất được 05 nhóm sản phẩm nông - lâm - thủy sản, thực phẩm chủ lực và tiềm năng của tỉnh, huyện (05 nhóm sản phẩm đăng ký sử dụng mã số, mã vạch, thẻ, tem truy xuất nguồn gốc,...).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh (Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh) và kết nối tham gia áp dụng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia cho tối thiểu 05 nhóm sản phẩm, hàng hóa.

3.2. Giai đoạn từ năm 2026-2030

- Có tối thiểu 30% cơ sở/doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dịch vụ có hệ thống truy xuất nguồn gốc bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh.

- Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh bảo đảm kết nối được với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về truy xuất nguồn gốc

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định, văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc và tài liệu hướng dẫn áp dụng; về đăng ký sử dụng mã số mã vạch cho cán bộ, công chức các cơ sở, doanh nghiệp và toàn thể xã hội.

- Tham gia, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các cán bộ, công chức làm công tác quản lý.

2. Xây dựng, triển khai, duy trì và phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh

- Khảo sát, tư vấn, hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu sản phẩm hàng hóa để tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc, ứng dụng mã số, mã vạch tại cơ sở/doanh nghiệp dựa trên ứng dụng thông tin điện tử sử dụng mã QR và công nghệ mã số mã vạch.

- Xây dựng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh: Xây dựng cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá đối với nhóm sản phẩm, hàng hoá nông nghiệp, thực phẩm chủ lực của tỉnh; các sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của các cơ quan liên quan và theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Triển khai các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ đẩy mạnh hoạt động áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký, đánh giá, chứng nhận sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã truy vết.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và tài liệu hướng dẫn áp dụng cho từng nhóm sản phẩm cụ thể.

3. Đánh giá việc triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh

Tổ chức Hội nghị sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030 việc triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành; đóng góp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trong đó: Nguồn ngân sách Nhà nước được sử dụng để: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (tuyên truyền, quảng bá về lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc; phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia về hệ thống truy xuất nguồn gốc; tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các giải pháp, công nghệ truy xuất nguồn gốc); triển khai, duy trì và phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của địa phương (nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới; thiết lập, nâng cấp Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh).

Các nhiệm vụ thuộc nội dung chi sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Khuyến khích sử dụng nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Dự kiến kinh phí

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện kế hoạch: 9.300.000.000 đồng (Chín tỷ ba trăm triệu đồng), trong đó:

- Giai đoạn 2020-2025: 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu đồng);

- Giai đoạn 2026-2030: 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng).

(Có dự toán kinh phí kèm theo).

Hàng năm, căn cứ nội dung Kế hoạch, các Sở, Ban, ngành có liên quan lập dự toán trong kế hoạch hoạt động của cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực tham mưu cho UBND tỉnh quản lý Nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung của kế hoạch; xây dựng, vận hành và quản lý Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của địa phương.

- Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các Sở, Ban, ngành và các quy định có liên quan xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh ban hành.

- Hướng dẫn triển khai áp dụng và phổ biến các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan triển khai Kế hoạch; hướng dẫn triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi, kết nối dữ liệu truy xuất với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; định kỳ hàng năm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc của các cơ sở, doanh nghiệp; tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương

- Tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; Hướng dẫn các cơ sở/doanh nghiệp thuộc ngành quản lý xây dựng dữ liệu truy xuất nguồn gốc đúng quy định.

- Cập nhật, cung cấp danh sách và thông tin các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý; giới thiệu các đơn vị sản xuất, kinh doanh có uy tín tham gia xây dựng hệ thống quản lý, truy xuất nguồn gốc.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc nghiên cứu, đề xuất giải quyết những vướng mắc, bất cập trong lĩnh vực quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; đề xuất hoàn thiện các quy định về truy xuất nguồn gốc, hệ thống thông tin cần thiết trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Phối hợp quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc đối với những sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin nhằm quản lý, kết nối vào hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh và Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Hướng dẫn các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác truy xuất nguồn gốc bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan xem xét đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến, cung cấp các thông tin về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên thị trường để các tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể xã hội biết ý nghĩa và lợi ích thiết thực của truy xuất nguồn gốc. Xây dựng các chương trình, chuyên mục về hiệu quả của một số sản phẩm, hàng hóa đã truy xuất nguồn gốc.

5. Sở Tài chính

Có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành tham mưu các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch này từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

6. Các Sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc đối với những sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

Tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc và các đoàn thể

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc và các đoàn thể tuyên truyền vận động đến toàn xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp biết và nhận thấy được lợi ích thiết thực về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

Phổ biến tuyên truyền Kế hoạch này đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm hàng hóa trên địa bàn quản lý; giới thiệu các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có uy tín, sản phẩm bảo đảm chất lượng tham gia Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Đắk Nông.

Phối hợp các Sở, ngành tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm về điều kiện an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) báo cáo kết quả về UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (B/c);
- TT. Tỉnh ủy (B/c)
- TT. HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CTTĐT tỉnh, KGVX_(VN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, KINH PHÍ TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 100/QĐ-TTĐ NGÀY 19/01/2019 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ PHÊ DUYỆT “ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Stt | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp thực hiện | Dự kiến kinh phí | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|--|------------------------------|----------------------------|------------------|---------------------|---|
| I | TUYÊN TRUYỀN, ĐÀO TẠO NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC (1+2+3) | | | 500.000 | | |
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng các quy định của pháp luật về truy xuất nguồn gốc và các nội dung liên quan | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, Ban, ngành | | Hàng năm | Sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo định mức |
| 2 | Tổ chức hội nghị, hội thảo về truy xuất nguồn gốc (Phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu về áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tới các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân): 05 Hội nghị. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành | 300.000 | Hàng năm | |
| 3 | Tham gia, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các cán bộ, công chức quân lý: 10 lượt cán bộ, công chức | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành | 200.000 | Hàng năm | |





| Stt | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp thực hiện | Dự kiến kinh phí | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------------|-----------------------------------|------------------|---------------------|---|
| II | XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI, DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC CỦA TỈNH | | | 8.800.000 | | |
| 1 | Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc trong sản xuất, kinh doanh | | | 4.100.000 | | |
| 1.1 | Định kỳ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành | | Hàng năm | Sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo định mức |
| 1.2 | Khảo sát, tư vấn, hướng dẫn cơ sở/doanh nghiệp về việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc: 03 cuộc khảo sát | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành; Đơn vị tư vấn | 100.000 | 2021-2025 | |
| 1.3 | Triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa: Hỗ trợ một số cơ sở/doanh nghiệp triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch (hỗ trợ 50 cơ sở) | Sở Khoa học và Công nghệ | Đơn vị tư vấn; các Sở, Ban, ngành | 1.500.000 | 2021-2025 | |
| 1.4 | Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký, đánh giá, chứng nhận sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã truy vết (hỗ trợ 50 cơ sở) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành | 2.500.000 | 2021-2025 | |

| Stt | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp thực hiện | Dự kiến kinh phí | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|---|--------------------------|---|------------------|---------------------|---|
| 1.5 | Hỗ trợ các cơ sở/doanh nghiệp kết nối hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh (Công thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh). | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành. | | Từ năm 2022 -2030 | Sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo định mức |
| 2 | Xây dựng, triển khai, ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc | | | 2.500.000 | | |
| 2.1 | Xây dựng Công thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh: Xây dựng cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành | 1.500.000 | Năm 2021 | |
| 2.2 | Thực hiện áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá đối với nhóm sản phẩm, hàng hoá nông nghiệp, thực phẩm chủ lực của tỉnh và các sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa | Các cơ sở/doanh nghiệp | Đơn vị tư vấn; Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ngành có liên quan | | Hàng năm | Sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo định mức |
| 2.3 | Duy trì, nâng cấp và quản lý Công thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh; đảm bảo kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan QLNN, tổ chức, cá nhân | 1.000.000 | Từ năm 2022 -2030 | |



| Stt | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp thực hiện | Dự kiến kinh phí | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|--------------------------------------|------------------|---|---------|
| 3 | Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động truy xuất nguồn gốc | | | 2.000.000 | | |
| 3.1 | Triển khai các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ đẩy mạnh hoạt động áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc: 02 đề tài, dự án | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành, tổ chức, cá nhân | 2.000.000 | Từ năm 2021 -2030 | |
| 3.2 | Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và tài liệu hướng dẫn áp dụng cho từng nhóm sản phẩm cụ thể | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành, tổ chức, cá nhân | | Thực hiện khi có đề xuất, yêu cầu của các Sở, ngành | |
| 4 | Tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết việc triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | | | 200.000 | | |
| | Tổ chức Hội nghị sơ kết việc triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân | 100.000 | Năm 2025 | |
| | Tổ chức Hội nghị tổng kết việc triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | | | 100.000 | Năm 2030 | |
| | Tổng (I+II) | | | 9.300.000 | | |

Số tiền bằng chữ: Chín tỷ ba trăm triệu đồng chẵn./.